

Thế giới: Phục hồi trong Trắc trở

Việt Nam: Tiến nhanh, Khát vọng & Thách thức



Hà Nội, 21/03/2025



Kinh tế thế giới

Tăng trưởng kinh tế (%; IMF 01/2025; 10/2024; 07/2024; 04/2024; 01/2024)			
	2023	Ước 2024	DB 2025
<i>Thế giới</i>	3.3	3.2	3.3 (3.2/3.3/3.2/3.2)
US	2.9	2.8	2.7 (2.2/1.9/1.9/1.7)
EURO	0.4	0.8	1.0 (1.2/1.5/1.5/1.7)
Japan	1.5	-0.2	1.1(1.1/1.0/1.0/0.8)
KV mới nổi & đg PT	4.4	4.2	4.2 (4.3/4.2/4.2/4.1)
KV mới nổi & đg PT ch. Á	5.7	5.2	5.1 (5.0/5.0/5.1/4.9)
TQ	5.2	4.8	4.6 (4.5/4.1/4.1/4.1)
India	8.2	6.5	6.5 (6.5/6.5/6.5/6.5)
ASEAN-5	4.0	4.5	4.6 (4.5/4.6/4.6/4.4)

- Phục hồi chậm < mức tiềm năng 3.5%; có tính thích ứng cao hơn và tích cực hơn (chủ yếu do KT Mỹ & ít nhiều TQ). Tăng trưởng ko đều giữa các khu vực/quốc gia (**2025**: tăng trưởng hơn chút 2024, song Mỹ, TQ chậm lại dù cao hơn so với DB trước).



Giá tiêu dùng (% YoY; IMF 01/2025; 10/2024; 07/2024; 04/2024; 01/2024)			
	2023	Ước 2024	DB 2025
Thế giới	6.7	5.7	4.2 (4.3/4.4/4.5/4.4)
Các nền KT PT	4.6	2.6	2.1 (2.0/2.1/2.0/2.0)
Các nền KT mới nổi & đg PT	8.1	7.8	5.6 (5.9/6.0/6.2/6.0)
Giá dầu (IMF 01/2025; % trung bình)			
Thế giới	-16.4 (80.6 USD)	-1.9 (81.3 USD)	-11.7 (69.8 USD)

- Lạm phát: đỉnh 9/2022, giảm khá nhanh, nhất là ở các nền KTPT. Lãi suất USD và Euro (FED; NHTW EU) tăng đỉnh điểm, chững lại từ cuối 2023, đứng ở mức cao và giảm dần từ nửa sau 2024 (FED giảm 0,5% & 2 lần 0,25%; EU ba lần 0,25%)
- IMF (10/2024): nợ công toàn cầu tăng nhanh hơn dự đoán, vượt qua mức 100K tỷ USD (93% GDP) trong 2024 và tới 100% GDP/cao hơn vào năm 2030 (Chi tiêu công nhiều hơn, tăng trưởng kinh tế chậm, và sự ko chắc chắn về chính sách tài khóa và tiền tệ của Mỹ và TQ)



Chính sách nhiệm kỳ mới của Mỹ và tác động

- Ông Donald Trump (Trump 2.0): Khó đoán định; MAGA; "Tariff Man"; Duy trì vị thế USD; "ko thiện cảm" các tổ chức đa phương: WTO, WHO, COP25/26...
- Một số đánh giá tác động
 - Lạm phát Mỹ tăng (do giá hàng nhập tăng! + chi tiêu CP, cai cách thuế & CS nhập cư > < Bộ hiệu quả??) → FED: thận trọng hơn trong giảm lãi suất, có thể chỉ 1/2 lần 2025 (Mục tiêu 2% sang 2027). Vấn đề có thể khác: nếu KT Mỹ dẫn đi vào suy thoái??
 - Thương mại và tăng trưởng kinh tế: Nhiều đánh giá TM, tăng trưởng kinh tế khu vực Á-TBD, EU bị ảnh hưởng đáng kể khi Mỹ áp thuế quan cao
- ***Hiệu ứng "cuộc chiến thuế quan" (giữa nước lớn A & B) lên nước C:***
 - Hiệu ứng chệch hướng thương mại có thể là tích cực (Với FDI, cũng có thể có "hiệu ứng" này). Nhiều NC thực nghiệm cũng cho thấy như vậy
 - Tuy nhiên, vấn đề phức tạp hơn: (i) nếu A áp thuế quan lên cả HH nhập từ C; (ii) nếu A áp thuế quan tính đến cả quốc tịch cty hay hàng hóa trung gian (GSCs); và (iii) khi có cả cuộc chiến công nghệ.
 - GS. Kimura (2024): It is important for the third countries such as VN and ASEAN to maintain the neutral stance not only for its own sake but also for the world



PECC (11/2024)

Tăng trưởng Châu Á-TBD đạt 3.4% năm 2024, song 2-3 năm tới dự báo giảm dần xuống 2.9%.

Mô hình tăng trưởng dựa trên TM dễ trở nên thương tổn; có 5 rủi ro lớn nhất (theo khảo sát):

1. Căng thẳng địa-chính trị cùng cấm vận/trừng phạt
2. Chủ nghĩa bảo hộ gia tăng và chiến tranh TM
3. Biến đổi khí hậu
4. Các vấn đề chuỗi cung ứng toàn cầu (GSC)
- 5.** Sự phân mảnh địa-kinh tế



Nhìn dài hơn

■ Rủi ro lớn (bất định; bất ổn; bất thường)

- Đồi đầu/xung đột/cạnh tranh địa-chính trị →



Đứt gãy GSCs; “phân mảnh” TG (địa kế, địa tài chính, địa công nghệ) + Tâm lý quan ngại, niềm tin suy giảm

- Cuộc chiến Ukraine – Nga chấm dứt?
- Lò lửa Trung Đông hạ nhiệt

- Biến đổi khí hậu; thiên tai, thời tiết cực đoan →



Thảm họa thiên tai + Khủng hoảng năng lượng, lương thực + nguy cơ dịch bệnh

Hậu quả siêu bão Yagi tại VN: 344 người chết/mất tích; 280K ngôi nhà bị hư hại; 112K ngôi nhà ngập lụt. Thiệt hại kinh tế: 81,5K tỷ VNĐ (3,3 tỷ USD), riêng nông nghiệp: 30.8K tỷ VNĐ (38%); dư nợ vay bị ảnh hưởng: 165K tỷ VNĐ cùng 94K khách hàng. GDP 2024 giảm 0.15% (QIII 0,35%; QIV 0,22%)



■ Thách thức và cơ hội theo những xu thế mới

- CMCN 4.0 & Chuyển đổi số
- Chuyển đổi xanh (thể chế, chính sách; SXKD; đầu tư; tài chính; tiêu dùng)



Tư duy mới về PT + Cuộc CM cho PT (công nghệ; Phương thức SXKD & lối sống; Thể chế) + Cam kết chính trị + Mệnh lệnh thi trường + Hành động cấp bách

- Tái cấu trúc kinh tế gắn với sự dịch chuyển các chuỗi cung ứng toàn cầu (GSCs) (!!! Kết nối, hội nhập & tự cường)



Sự hình thành và tiến triển GSCs: **(i)** Lợi thế so sánh, chi phí vận chuyển giảm cùng tự do hóa TM, đầu tư; **(ii)** CMCN 4.0 & Dx & Tối ưu hóa chuỗi cung ứng; **(iii)** Bảo hộ/CT TM/Covid-19/xung đột địa-chính trị & Onshoring & Friend-Shoring; và **(iv)** Thay đổi nhìn nhận về phát triển & Tạo dựng GSCs hiệu quả, “xanh”, có khả năng chống chịu

- Thay đổi cấu trúc dân số



Già hóa (& năng suất) + Bất bình đẳng xã hội + Sự nổi lên của tầng lớp trung lưu (đặc biệt ở các nền kinh tế mới nổi & châu Á); GenZ + Đô thị hóa & di dân



Kinh tế Việt Nam

Điều kiện tài chính-tiền tệ: dần cải thiện & vẫn dễ

- Từ quý III/2022, áp lực lớn lên lãi suất, tỷ giá, lạm phát; thiếu hụt thanh khoản + Rung lắc/sang chấn TTCK, TTTP DN & TT BĐS
- **2023**: Thanh khoản dồi dào; NHNN (đi trước) 4 lần hạ lãi suất; tỷ giá tương đối ổn định (VNĐ/USD mất giá 2.8%); lạm phát thấp 3.2%. KT vĩ mô cơ bản ổn định (tuy nhiên nợ xấu tăng; nội bảng 12/2023: 4.5%)
- Tháo gỡ khó khăn TTTP DN và TT BĐS (sửa đổi/tháo gỡ pháp lý nhiều dự án; hỗ trợ tài chính – tiền tệ; tái cấu trúc). Kết quả chưa như kỳ vọng



Một số dữ liệu tài chính – tiền tệ 2024, cập nhật & DB/mục tiêu 2025

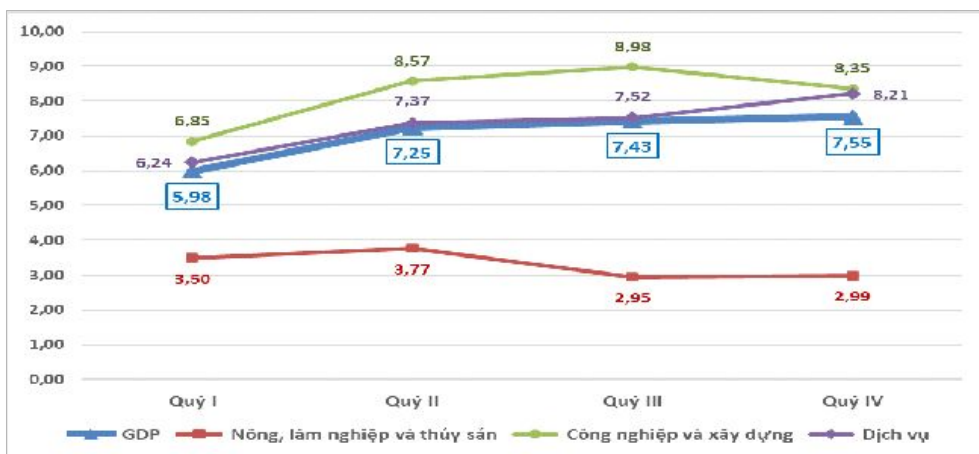
Lạm phát (CPI)	+3.6% BQ; +2.9% YoY. <u>2m2025</u> : +3.3% BQ & +2.9% YoY (lỗi: 3.0%). <u>Mục tiêu 2025</u> : 4.5-5.0%
Lãi suất	Id nhích tăng 0.7%. Il giảm khoảng 0.6% so với cuối 2023 (Il bình quân VNĐ 6.7%-9.0%/năm) + các gói hỗ trợ (thủy sản, NOXH; DN & người dân bị ảnh hưởng bởi bão Yagi: 32/40 NH với 405K tỷ VNĐ, Il giảm 0,5% - 2,0%/năm). <u>DB 2025</u> : Il đi ngang/tăng nhẹ (?).
Tỷ giá (VNĐ/USD)	+4.9% BQ; +4.3% YoY. Ít nhiều hạ nhiệt nhanh sau tháng 6 và tăng lại những tháng cuối năm. <u>2m2025</u> : +3.8% BQ & +3.5% YoY. <u>DB 2025</u> : 3% - 4%(?)
Cung tín dụng	+15,1% so 12/2023 (2 tháng đầu năm: -1.1%; 5 tháng 3.4%); %. M2 tăng thấp hơn: 9.4%. <u>Mục tiêu 2025</u> : ~16%.
Nợ xấu (nội bảng)	> 5.0% (xu hướng ít nhiều tăng)
TT BĐS	Ít nhiều khởi sắc (ko đều; giá chung cư HN, Tp HCM tăng đáng kể); niềm tin chưa cao. <u>Dự báo 2025</u> : Lạc quan hơn (tùy phân khúc & khi "trúc trắc" thực thi 3 Luật sửa đổi & các ND có hiệu lực từ 01/08/2024 được tháo gỡ)



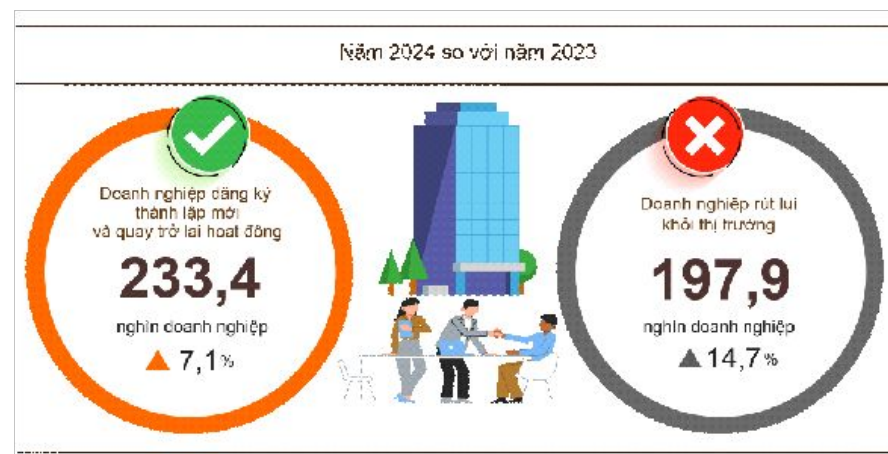
Kinh tế thực: khó khăn cùng dấu hiệu phục hồi

	Năm 2023	2024 & cập nhật
Tăng trưởng GDP	5.1% (Q1: 3.3%; 6M: 3.7%; 9M: 4.2%)	7.1% (Q1: 5.7%; 6M: 6.4%; 9M: 6.8%)
Số DN gia nhập và rút khỏi thị trường	217.7K; +4.5% và 172.6K; +20.5%	233.4K, +7.1% và 197.9K, +14.7% (Q1: 59.9K; +5.1% và 73.9K; +22.8%; Gia nhập > rút lui từ Qu II). 2m2025: 49.8K, +19.3% và 67.0K. + 6.9% (phần rất lớn là tam dừng)

Tốc độ tăng GDP và VA các khu vực theo quý 2024 (%)



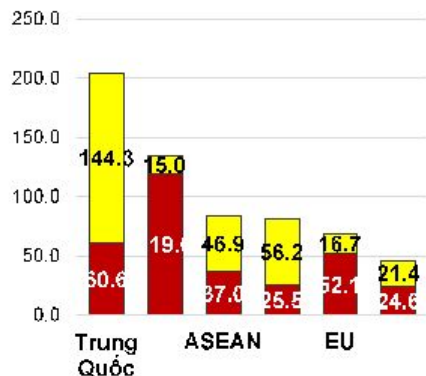
Tình hình đăng ký doanh nghiệp 2024



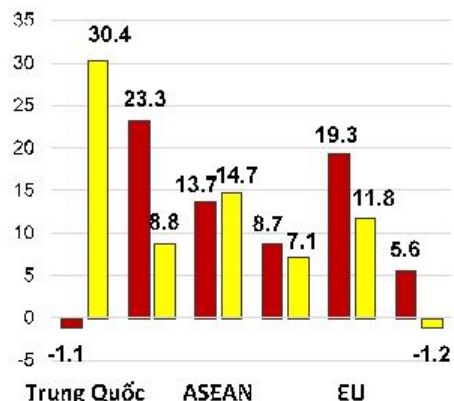
	Năm 2023	2024 & cập nhật
Xuất khẩu HH Nhập khẩu HH <i>CNCBCT</i>	355.5 tỷ USD; - 4.4% (mức âm giảm dần) 327.5 tỷ USD; - 8.9% (mức âm giảm dần) +3.6%; PMI << 50 (trừ tháng 2 & tháng 8 (Ko còn là động lực tăng trưởng)	405.5 tỷ USD, + 14.3%. <u>2m2025</u> : 64.3 t USD, + 8.4% 380.8 tỷ USD, +16.7%. <u>2m2025</u> : 62.8 t USD, + 15.9% +9.6% (<u>2m2025</u> : IIP CNCBCT: 9.3%); PMI >50 (trừ th3 = 49.9, th9: 47.3 & tháng 12). PMI tháng 1&2/2025<50
Đầu tư tư nhân Đầu tư nước ngoài Đầu tư nhà nước	Chững lại (+2.4%) Cam kết: 36.6 tỷ USD; +32.1%. Thực hiện: 23.2 tỷ USD; +3.5% 968.2K tỷ VNĐ	+8.7% (tăng dần theo quý) Cam kết: 38.2 tỷ USD, -3.0%. <u>2m2025</u> 6.9 tỷ USD, +35.5% Thực hiện: 25.4 tỷ USD, + 9.4%. <u>2m2025</u> 2.9 tỷ USD, + 5.4% 1019.3K tỷVNĐ, +5.3% (Thực hiện từ NSNN: 661.3K tỷ VNĐ, 84.6% KH, +3.3%. <u>2m2025</u> : 73.2K tỷ VNĐ, +21.7% =8.5%KH)
Tiêu dùng (tổng bán lẻ, thực) <i>Khách quốc tế</i>	+6.8% (mức dương giảm dần theo quý) 12.6 triệu; + 240.5%	+5.9%. <u>2m2025</u> : +6.2% 17.6 triệu; +39.5%. <u>2m2025</u> : ~4.0 triệu +30.2%



Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa (Tỷ USD)



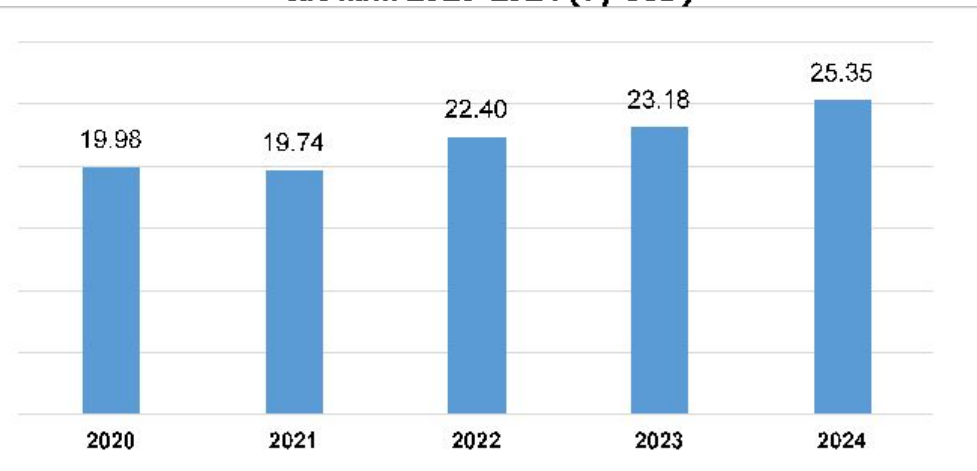
Tốc độ tăng/giảm so với năm trước (%)



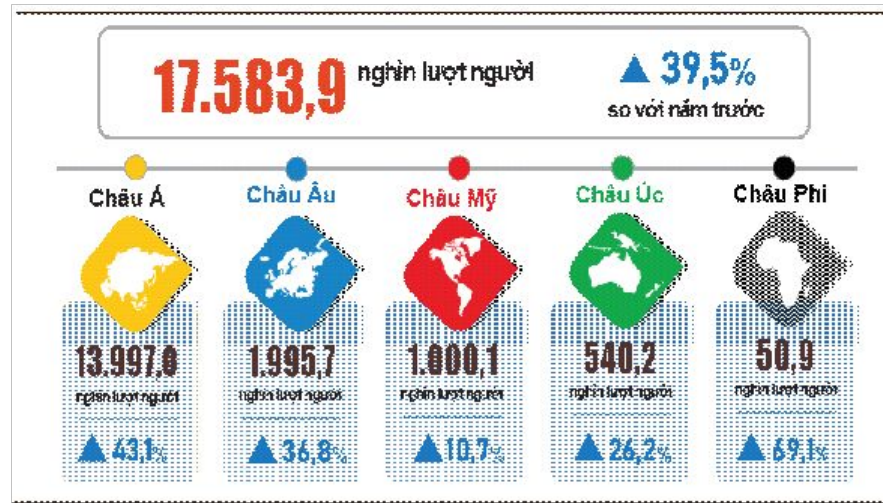
Giá trị một số mặt hàng xuất khẩu năm 2024

Các mặt hàng đạt giá trị trên 10 tỷ USD	Giá trị	Tốc độ tăng
	(Triệu USD)	so với năm trước (%)
Điện tử, máy tính và linh kiện	72.584	26,6
Điện thoại các loại và linh kiện	53.892	2,9
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	52.192	21,0
Hàng dệt, may	37.037	11,2
Giày dép	22.872	13,0
Gỗ và sản phẩm gỗ	16.282	20,9
Phương tiện vận tải và phụ tùng	15.067	6,4
Thủy sản	10.040	11,9

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện các năm 2020-2024 (Tỷ USD)



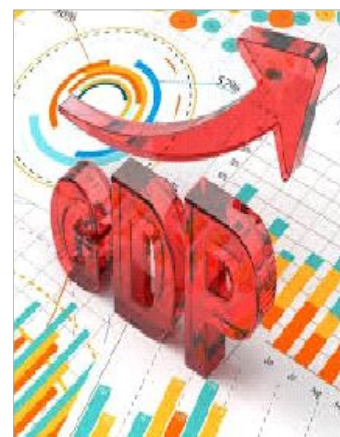
Khách quốc tế đến VN 2024



Tăng trưởng 2025

- Mục tiêu KH 2024: 6.0% - 6.5%. Kết quả: 7.1%
- Mục tiêu KH 2025: 6.5% - 7.0%, có cơ hội 7.0% - 7.5%. CP tháng 12/2024: Tăng tốc, bút phá đạt ít nhất 8% trở lên & hướng đến 2 con số giai đoạn 2026 – 2030...)
- Lưu ý:

- Để đạt mục tiêu 6.5%/năm 2021-2025 (cận dưới KH), tăng trưởng 2025 phải khoảng 9.0%)
- Chương trình tái cơ cấu kinh tế (NQ 31/2021/QH 15): 13/30 mục tiêu rất khó đạt, nhất là mục tiêu tăng năng suất LĐ 6.5%/năm (2021, 2022 và 2023 << 5%; 2024: 5.9%)
- Chuyển đổi kép (số, xanh) tạo động lực mới cho tăng năng suất & trưởng còn hạn chế (pháp lý, triển khai, nguồn lực)



Khát vọng lớn, thách thức lớn

- **Mục tiêu:** Phát triển bền vững, bao trùm, tăng cường khả năng chống chịu.
2030: CN hiện đại, thu nhập trung bình cao; **2045:** Nền kinh tế phát triển, thu nhập cao; **2050:** “Phát thải ròng bằng 0” (cam kết tại COP26)

“Bắt kịp, tiến cùng, vượt trước”

“Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”

- Một tiến trình cấp bách, đầy thách thức với chi phí chuyển đổi không nhỏ
 - Thực thi đạt mục tiêu 2045 & 2050: Chỉ còn hơn 20 và 25 năm (“Bỏ lỡ, khó gỡ”)
 - Tăng trưởng trung bình phải trên dưới 7.0%/năm trong hơn 20 năm tới (đạt là nền kinh tế phát triển) + “Net zero” 2050 (theo NHTG 2022: Đầu tư thích ứng, giảm tác động của BĐKH đến 2040 là 368 tỷ USD).
 - Theo BaU, VN tính GDP cộng dồn đến 2050 mất 13%-19% do BĐKH & XK sang các nước OECD giảm 30% so mức hiện tại (NC của WB 2024).
- Tăng trưởng nhanh, nhất là nhờ bành trướng đầu tư, tín dụng có thể đi kèm rủi ro (PT thiếu bền vững? Bất ổn vĩ mô? “Sao nhãng” sáng tạo và thúc đẩy KK-CN?)



Nỗ lực chính sách & cải cách

- *Một là ổn định kinh tế vĩ mô (từ duy trì lạm phát tương đối thấp cho đến đảm bảo an toàn hệ thống TC-NH; tháo gỡ khó khăn TTTP DN & TT BĐS), khôi phục niềm tin thị trường và tăng cường khả năng chống chịu của nền kinh tế.*



- *Hai là kích cầu: Tiêu dùng (du lịch; hỗ trợ người LĐ) + Đầu tư (gia tốc & nâng hiệu quả đầu tư công, thu hút FDI chất lượng nhờ nâng cấp quan hệ đối tác với Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia... cũng như làm sâu sắc thêm quan hệ với Trung Quốc,...) + Xuất khẩu (đa dạng hóa thị trường, SP; ký kết, đàm phán thêm FTAs)*



- *Ba là hỗ trợ doanh nghiệp*: qua CS tiền tệ (giãn hoãn khoanh nợ; các gói tín dụng hỗ trợ) và CS tài khóa (thuế, phí...) + Tiếp tục tháo gỡ khó khăn đ/v nhiều dự án, nhất là BĐS + Hỗ trợ DN & người dân ảnh hưởng bởi bão Yagi
- *Bốn là nâng cấp, tạo dựng những nền tảng chủ chốt* cho bứt phá những năm tới:
 - Hoàn thiện khung khổ pháp lý (cải thiện/thoát “cũ” & xây “mới”, nhất là đ/v các thị trường nhân tố SX (cả IFCs); PT DN dân tộc, dẫn dắt & KV tư nhân (*NQ mới*); và tương thích với xu thế số, xanh, dịch chuyển GSCs cùng lao động kỹ năng cao và tài năng);
 - Phát triển hạ tầng, nhất là các dự án trọng điểm (giao thông, logistics, năng lượng, hạ tầng số...)
 - Tinh gọn bộ máy cùng những đổi mới về quản trị nhà nước theo hướng phải đủ nhanh, đủ linh hoạt, có thể thử nghiệm và lặp lại, mang tính bao trùm và đầy đủ các bên liên quan cùng sự cởi mở để hợp tác + Cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung)



Thông điệp chính sách

- 2025: Các nhóm CS đã có về cơ bản được tiếp tục thực hiện (Điểm nhấn: Thúc đẩy tăng trưởng gắn với ổn định kinh tế vĩ mô (2023: ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phục hồi và tăng trưởng)
- Nỗ lực (tiếp tục) cải cách mạnh mẽ thể chế & tái cấu trúc kinh tế
- **Cách tiếp cận:**
 - “Top down” & “Bottom up” + Hợp tác quốc tế (khéo léo & thực chất)
 - Kết hợp “nhảy vọt” (leafrogging) và chiến lược “phản hồi” (feedback). Tính đến: (i) lợi thế so sánh; (ii) Tiềm năng CMCN 4.0, Dx, “chuyển đổi xanh” (kinh tế tuần hoàn); (iii) thúc đẩy sáng tạo cùng hiệu ứng lan tỏa cao; và (iv) cải cách thể chế, môi trường ĐTKD; (v) PT hạ tầng & nguồn nhân lực chất lượng cao; (vi) (thu hút FDI chất lượng)
 - “Vừa làm vừa chạy”; không thể chờ đến khi khung khổ pháp lý thật hoàn thiện rồi mới hành động)



Thay cho lời kết

Tâm thức

Thấy hết khó khăn
Nhìn thấu cơ hội
Suy nghĩ tích cực

Hành động

Phòng thủ chắc chắn
Tận cơ vượt khó
Bắt nhịp xu thế

Khéo kết nối

-

Giỏi thích ứng

-

Luôn sáng tạo

-

Mạnh hành động

